YÊU CẦU CHUYỂN TIỀN KIÊM GIẤY ĐỀ NGHỊ MUA NGOẠI TỆ GIAO NGAY APPLICATION FOR REMITTANCE AND SPOT FX APPLICATION FORM	*Số chuyển tiền (REF no):* …… ……
Kính gửi: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB) ***To: J.S.C. Bank for Foreign Trade of Vietnam (VCB)***	Ngày giao dịch *(Transaction Date)* 05/10/2025

Phương thức chuyển tiền (Remittance Method): ☒ **SWIFT** ☐ **Séc (Bank draft)**

QUÝ KH LƯU Ý:

1.Điền vào các mục dưới đây bằng chữ in hoa hoặc đánh dấu (x) vào chỗ thích hợp.Các mục có dấu (*) cần được điền đầy đủ (Please complete in Block Letters and tick where applicable. Fields with (*) must be completed).

2.Đọc kỹ các điều kiện chuyển tiền của VCB (Phụ lục đi kèm).(Please refer carefully to the conditions enclosed)

3.Khi cần liên hệ với VCB về giao dịch này xin sử dụng số chuyển tiền (Ref no) in ở góc trên bên phải của yêu cầu chuyển tiền. (Please refer the Reference number printed in the top of the right corner of this application form incase of contact.)

1	**Khách hàng chuyển tiền (*Customer - Remitter*) (*)**		**50**
(i)	***Khách hàng cá nhân (Individual)***		
	Tên (*Name*): ……		
	CMND/thẻ CCCD/Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/ Hộ chiếu số (*ID/PP No.*)/Thị thực nhập cảnh số : ……	Ngày cấp *(Date of issue)*: ……	Nơi cấp *(Place of issue)*: ……
	Địa chỉ *(Add)*: ……		
	Điện thoại (*Tel*): ……		
(ii)	***Khách hàng tổ chức (Organization)***		
	Tên (*Name*): CÔNG TY TNHH MTV TM & DV NGỌC THƠM ……		
	ĐKDN/ĐKKD/GCN đầu tư/Giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương số 0309391503 do Sở kế hoạch và đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 09/11/2021 *Business Registration/Investment Licence/any other documents of equivalent legal value No…… issued by…… dated……*		
	Địa chỉ đăng ký trụ sở (*Registered add.*): 12/14/18 Đường 49, Khu Phố 69, Phường Hiệp Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam		
	Người đại diện (Legal representative): Trần Thị Thơm	Chức vụ (position): Chủ tịch công ty	
	Điện thoại (*Tel*): 028 6290 6631	Fax: ……	
	Với mọi trách nhiệm thuộc về phần mình, Tôi/Chúng tôi đề nghị VCB thực hiện giao dịch với chi tiết dưới đây: *With our responsibilities, we would like to request VCB make a transaction as below:*		
2	**Số tiền yêu cầu chuyển đi (*Instructed amount*) (*)**		
(i)	**Số tiền yêu cầu chuyển đi bằng số *(Amt in figures)*:** 29.978,12 USD		**32**
	Bằng chữ (*Amt In words*): Hai mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi tám đô la Mỹ và mười hai cent.		
(ii)	**Nguồn tiền thanh toán *(Source of payment)* (*)**	**Số tiền** (Amount)	
	☒ Từ TK ngoại tệ số (*Debit foreign currency acct number*): 1063585624	29.978,12 USD *(Bằng chữ: Hai mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi tám đô la Mỹ và mười hai cent.)*	
	☐ Từ tiền mặt (*Cash*)……	……	
	☐ Từ nguồn khác (others)……	……	

☐ Đề nghị VCB bán ngoại tệ (*VCB sells foreign currency*)

Cặp đồng tiền giao dịch (Pair of currencies used in the transaction):

Ngày thanh toán (Settlement date): .....

Số lượng ngoại tệ (Amount in Foreign Curency): .....

Tỷ giá (Rate): .....

Số tiền thanh toán (Amt in VND): .....

☐ Từ TK số (*Debit acct number*):..... Số tiền (*Amount*): .....

☐ Từ tiền mặt (*Cash*):..... Số tiền (*Amount*):.....

3	**Ngân hàng trung gian *(Intermediary Bank)*:**	**56**
	Tên (*Name*):	Mã NH (*Bank code*):
	Địa chỉ (*Add*):	
4	**Ngân hàng người hưởng *(Beneficiary bank) (*)***	**57**
	Tên (*Name):* la Caixa	Mã NH (*Bank code*): CAIXESBBXXX
	Địa chỉ (*Add*): C/ Creu 31, Pl. 1, 17002 Girona	
5	**Người hưởng (*Beneficiary*) (*)**	**59**
	Tên (*Name):* B&M FOODS S.L.	Số TK hoặc số IBAN (Account No or IBAN nc): ES31 - 2100 - 8606 - 10 - 7200308551
	Địa chỉ (*Add):* CL. Santa Marta, 37 Bajos 4ª 08340 VILASSAR DE MAR (SPAIN)	Điện thoại *(Phone No.): +34938825960*
6	**Nội dung thanh toán (*Details of payment*) (*):(*):** Paid 80% of Contract No. 8700 at 26/05/2026; Invoice No 26/2955 at 14/08/2026.	**70**
7	**Phí (*Charges*) (*)**	**71**

	Loại phí *(Charge type)*		***Nguồn thanh toán phí*** *(Source of paying charges)*
	☒ OUR	Phí do người chuyển tiền chịu *Charges to be born by remitter*	☒ Phí trích từ TK số (*Debit our account number):* 1027349624
	☐ BEN	Phí do người hưởng chịu *All charges to be borne by beneficiary*	☐ Phí nộp bằng tiền mặt (*Cash*): .....
	☐ SHA	Phí chia sẻ cho hai bên *Charges to be shared*	
	☐ NODEDUCT	Phí chỉ áp dụng cho USD *Charge only applicable for USD*	

8 **Thông tin khác *(Other details)***

.....

.....

9 **Cam kết bổ sung giấy tờ, chứng từ *(Commit to provide documents)***

(i) Loại giấy tờ, chứng từ bổ sung *(Type of documents)*:

☐ Hóa đơn đòi tiền theo hợp đồng mua hàng/ *Invoice*

☐ Hóa đơn đòi tiền theo hợp đồng tái xuất hàng hóa/ *Invoice*

☒ Vận đơn hoặc chứng từ vận tải khác/ *Bill of lading or other transport documents*

☒ Tờ khai hải quan nhập khẩu hàng hóa/ *Import Customs Declaration Form*

☐ Tờ khai hải quan tái xuất hàng hóa *hoặc* Tờ khai hải quan mới thay thế tờ khai hải quan tạm nhập/ *Re-export*

☐ Báo có tiền hàng theo hợp đồng tái xuất hàng hóa hoặc hợp đồng bán hàng hóa kinh doanh chuyển khẩu/

	Customs Declaration Form or Replacement for the temporary-import customs ☐ Hợp đồng bán hàng hóa kinh doanh chuyển khẩu/ *Sales contract for the border - gate tranfered goods* ☐ Tờ khai hải quan quá cảnh hoặc giấy tờ tương đương/ *Declaration for Goods in Transit or relevant documents* ☐ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp / *Enterprise registration certificate* *Credit advice from the sale of the re-exported goods or the border-gate transfered goods* ☐ Hóa đơn đòi tiền theo hợp đồng bán hàng hóa kinh doanh chuyển khẩu/ *Invoice* ☐ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/ *Investment Registration Certificate* ☐ Chứng minh hoàn thành nghĩa vụ thuế/ *Documents to prove our fulfilment of tax obligations* ☐ Chứng từ khác/ *Other documents*:.....
(ii)	Ngày bổ sung chậm nhất (Deadline): 30/12/2026
10	**Cam kết của người chuyển tiền (*Remitter's undertaking*)**
	Giao dịch chuyển tiền nói trên liên quan đến: *The above mentioned remitance is related to:* - Thanh toán nhập khẩu hàng hóa tạm nhập tái xuất: ☐ Có ☐ Không *Temporary import and re-export transaction:* ☐ *Yes* ☐ *No* - Thanh toán nhập khẩu hàng hóa kinh doanh chuyển khẩu: ☐ Có ☐ Không *Border-gate transfer of goods:* ☐ *Yes* ☐ *No* Tôi/Chúng tôi đọc, hiểu và cam kết thực hiện các nội dung tại "Các điều kiện chuyển tiền đi nước ngoài", đồng ý rằng khi đại diện hợp pháp của VCB ký vào Phần dành cho VCB dưới đây thì nội dung "Các điều kiện chuyển tiền đi nước ngoài" này có giá trị ràng buộc Tôi/Chúng tôi. *I/ We read, understand and commit to the above mentioned Conditions for Overseaa Remittance, and agree that when VCB's legitimate representative signs in the Section for VCB below, the Conditions for Overseas Remittance are binding on me/us*
	Kế toán trưởng (Chief Accountant) *Ký, ghi rõ họ tên (Signature, name)* Huỳnh Văn Hưng **Khách hàng chuyển tiền** **Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu** *(Remitter/Account holder signature,name & stamp)* M.S.D.N: 0309391503 C.T.T.N.H.H CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Trần Thị Thơm
11	**Phần dành cho VCB (*For VCB's use only*)**
	TTV Thủ quỹ Người duyệt 1 Người duyệt 2

CÁC ĐIỀU KIỆN CHUYỂN TIỀN ĐI NƯỚC NGOÀI

1. Khách hàng (KH) hiểu rằng:

a. Ngày giao dịch: Là ngày VCB tiếp nhận 'Yêu cầu chuyển tiền kiêm giấy đề nghị mua ngoại tệ giao ngay' (YCCT) từ KH. VCB thực hiện chuyển tiền cùng ngày đối với các YCCT hợp lệ được tiếp nhận trước 15h00'.

b. Ngày thanh toán: Là ngày VCB và KH thực hiện chuyển giao số lượng đồng tiền mua, bán theo YCCT hợp lệ đã xác lập

c. Ngày giá trị: Là ngày được ghi trên YCCT, VCB chỉ thực hiện chuyển tiền theo ngày giá trị trên YCCT khi VCB nhận được YCCT hợp lệ trước giới hạn giờ giao dịch của đồng tiền trên lệnh ít nhất hai (02) giờ đồng hồ. Trường hợp Ngày giá trị rơi vào ngày nghỉ Quốc gia/Thị trường của đồng tiền giao dịch, VCB toàn quyền chuyển Ngày giá trị tới ngày làm việc kế tiếp.

d. Tỷ giá áp dụng trong YCCT là tỷ giá của VCB được công bố tại Ngày giao dịch.

e. Phí chuyển tiền áp dụng theo biểu phí hiện hành của VCB và không được hoàn lại trừ khi có thỏa thuận khác.

f. VCB sẽ thanh toán lại cho KH số tiền thực tế mà VCB nhận lại được từ ngân hàng nước ngoài trong trường hợp giao dịch chuyển tiền không thực hiện được hoặc hủy theo yêu cầu của KH.

g. VCB có toàn quyền sử dụng các hệ thống chuyển tiền, lựa chọn Ngân hàng đại lý (NHĐL) và phương thức thanh toán phù hợp theo quy định của pháp luật để thực hiện chuyển tiền tới người hưởng mà không cần thông báo lại cho Khách hàng.

h. VCB sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ rủi ro, mất mát, tranh chấp, khiếu nại xảy ra do KH kê khai, cung cấp không đầy đủ, không rõ ràng, không chính xác (các) thông tin YCCT để VCB thực hiện giao dịch theo yêu cầu của KH; do Ngân hàng nước ngoài thực hiện sai chỉ thị của KH; hoặc do các yếu tố gian lận, lừa đảo, hoặc sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, hoặc những thiệt hại không trực tiếp hoặc mang tính chất hậu quả.

i. VCB không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ rủi ro, mất mát, thiệt hại nào xảy ra cho KH trong trường hợp Ngân hàng nước ngoài ghi có vào số tài khoản của người hưởng trên lệnh chuyển tiền nhưng tên của chủ tài khoản được ghi có tại Ngân hàng nước ngoài không khớp đúng với tên người hưởng trên YCCT.

j. VCB được phép cung cấp thông tin liên quan đến người chuyển tiền và giao dịch chuyển tiền bao gồm nhưng không giới hạn: tên; thông tin trên giấy tờ tùy thân, Đăng ký kinh doanh; địa chỉ; Mã số thuế; ... theo yêu cầu của (i) các Ngân hàng nước ngoài để làm rõ thông tin giao dịch chuyển tiền theo quy định pháp luật (ii) các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

k. VCB có quyền từ chối thực hiện giao dịch hoặc tạm dừng cung cấp dịch vụ ngân hàng cho KH trong trường hợp VCB nhận thấy giao dịch có dấu hiệu vi phạm các quy định của pháp luật hoặc quy định nội bộ của VCB.

2. Khách hàng cam kết:

a. Xuất trình đầy đủ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính rõ ràng, chính xác, trung thực của các thông tin, các chứng từ có liên quan đến việc chuyển tiền theo các quy định pháp luật về quản lý ngoại hối, phòng chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt của nước CHXHCN Việt Nam hiện hành. Trường hợp cần bổ sung chứng từ trước/sau khi VCB thực hiện lệnh chuyển tiền, KH cam kết xuất trình bổ sung đầy đủ các giấy tờ, chứng từ còn thiếu theo yêu cầu và quy định của VCB. Trong trường hợp không bổ sung chứng từ đúng hạn, KH phải gửi văn bản giải trình cho VCB và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật do việc chậm trễ hoặc không bổ sung đầy đủ chứng từ.

b. Nguồn tiền thực hiện mua ngoại tệ, nguồn ngoại tệ chuyển ra nước ngoài là nguồn tiền có nguồn gốc hợp pháp theo quy định của pháp luật. KH cam kết và chịu mọi trách nhiệm sử dụng ngoại tệ đúng mục đích, tuân thủ mọi quy định pháp luật hiện hành về quản lý ngoại hối của nước CHXHCN Việt Nam.

c. Giao dịch chuyển tiền này chỉ được thực hiện duy nhất tại VCB. Không sử dụng cùng một bộ hồ sơ chứng từ để mua, chuyển, mang ngoại tệ ra nước ngoài vượt quá số tiền ghi trên giấy tờ, chứng từ có liên quan và hoặc vượt quá các mức ngoại tệ được phép mua, chuyển, mang ra nước ngoài theo quy định của pháp luật tại một hoặc nhiều ngân hàng được phép.

d. Giao dịch chuyển tiền này không liên quan đến gian lận thương mại, hoạt động rửa tiền; tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; Giao dịch chuyển tiền này không liên quan đến quốc gia, tổ chức, cá nhân thuộc danh sách cấm vận quốc tế hoặc khủng bố, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

e. Cung cấp cho VCB đầy đủ, rõ ràng, chính xác, trung thực các thông tin trên YCCT và hồ sơ giao dịch liên quan. Chịu mọi rủi ro, chi phí, tổn thất phát sinh do thông tin cung cấp sai hoặc không chính xác hoặc không nhất quán.

f. Cung cấp/bổ sung thông tin, hồ sơ liên quan đến giao dịch chuyển tiền này theo yêu cầu của ngân hàng nước ngoài kể cả sau khi giao dịch đã được thực hiện.

g. Trường hợp mục đích chuyển tiền để mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa ở nước ngoài, KH phải tuân thủ quy định về mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa ở nước ngoài thông qua các Sở Giao dịch hàng hóa tại Việt Nam có liên thông với Sở Giao dịch hàng hóa ở nước ngoài.

h. Trường hợp mục đích chuyển tiền để thanh toán hàng hóa tạm nhập, tái xuất, KH cam kết: Nhận tiền thanh toán theo hợp đồng tái xuất hàng hóa thông qua tài khoản của khách hàng mở tại VCB và sẽ cung cấp cho VCB chứng từ nhận tiền liên quan đến giao dịch này; Thời hạn bổ sung giấy tờ, chứng từ còn thiếu (nếu có) không quá hai (02) tháng kể từ ngày tái xuất thực tế nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày thanh toán hàng tạm nhập.

i. Trường hợp mục đích chuyển tiền để kinh doanh chuyển khẩu hàng hóa, KH cam kết nhận tiền thanh toán theo hợp đồng bán hàng hóa kinh doanh chuyển khẩu về tài khoản của KH tại VCB và sẽ cung cấp cho VCB chứng từ nhận tiền liên quan đến giao dịch này.

j. Trường hợp mua, chuyển ngoại tệ ra nước ngoài để tài trợ, viện trợ theo các cam kết, thỏa thuận giữa Nhà nước, Chính phủ, các cấp chính quyền địa phương với nước ngoài: Nguồn tài trợ, viện trợ là các khoản kinh phí từ ngân sách hoặc nguồn tiền của chính tổ chức tài trợ, viện trợ.

k. Trường hợp mua, chuyển ngoại tệ ra nước ngoài để tài trợ, viện trợ khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh: Nguồn tài trợ, viện trợ là nguồn tiền đóng góp tự nguyện từ các tổ chức, cá nhân trong nước và/hoặc nguồn tiền của chính tổ chức tài trợ, viện trợ; KH cam kết chỉ mở một tài khoản VNĐ tại một (01) ngân hàng được phép để tiếp nhận tiền đóng góp tự nguyện.

l. Trường hợp mua, chuyển ngoại tệ ra nước ngoài để tài trợ cho các chương trình, các quỹ, dự án do tổ chức trong nước và/hoặc tổ chức ở nước ngoài thành lập nhằm mục đích hỗ trợ và khuyến khích phát triển trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục (tài trợ học bổng), y tế: Nguồn tài trợ là nguồn tiền của chính tổ chức tài trợ; Số tiền chuyển đi tối đa không vượt quá 50.000 USD (Năm mươi nghìn đô la Mỹ) hoặc các loại ngoại tệ khác có giá trị tương đương một lần chuyển tiền; Chỉ thực hiện việc chuyển tiền tài trợ cho chương trình/quỹ/dự án được nêu trong yêu cầu chuyển tiền duy nhất tại VCB.

m. Trường hợp mua, chuyển ngoại tệ ra nước ngoài để trả thưởng cho người không cư trú là tổ chức, cá nhân ở nước ngoài tham gia các chương trình, cuộc thi được tổ chức tại Việt Nam theo các quy định của pháp luật có liên quan: Nguồn tiền trả thưởng từ người không cư trú là tổ chức, cá nhân ở nước ngoài hoặc người cư trú là tổ chức.

n. Trường hợp mua, chuyển ngoại tệ ra nước ngoài để phân bổ tiền tài trợ cho các thành viên ở nước ngoài tham gia thực hiện các dự án, đề tài nghiên cứu khoa học ở Việt Nam và nước ngoài hoặc hoàn trả tiền tài trợ thực hiện các dự án ở Việt Nam theo các cam kết, thỏa thuận với bên nước ngoài: nguồn tiền chuyển đi là nguồn tài trợ tiếp nhận của người không cư trú là tổ chức, cá nhân ở nước ngoài.

o. Thanh toán cho VCB đầy đủ các khoản phí dịch vụ của VCB và các khoản phí phát sinh do Ngân hàng nước ngoài thu (nếu có).

p. Chịu mọi rủi ro có thể xảy ra nếu các thông tin cung cấp trên YCCT hoặc hồ sơ liên quan vi phạm chính sách cấm vận của bất kỳ quốc gia và/hoặc bất kỳ tổ chức và/hoặc ngân hàng nước ngoài liên quan.

q. Xuất trình cho VCB yêu cầu bằng văn bản và các chứng từ có liên quan đến giao dịch chuyển tiền trong trường hợp KH muốn điều chỉnh hoặc huỷ giao dịch này và chịu ràng buộc theo quyết định của VCB (nếu có) về việc điều chỉnh hoặc hủy giao dịch theo quy định của VCB.

CONDITIONS FOR OVERSEAS REMITTANCE

1. The Customer understands that:

a. Transaction date: is the receipt date by VCB "Application for Remittance and spot FX application form" (hereafter called AFR) presented by the Customer. Eligible AFR will be processed by VCB on the same day if the presentation made before 3.00PM.

b. Settlement date: is the date on which VCB and Customer transfer the volume of curency purchased or sold accroding to the AFR that has been made.

c. Value Date: is the date to be indicated on the customer's AFR and is executed by VCB only when Eligible AFR received by VCB 2 working hours before cut-off time applied to the currency of AFR. In the event the value date on AFR fall on non-banking day of the currency, VCB is authorized to change the value date forward to the next working day.

d. The exchange rate applied to AFR is the exchange rate quoted by VCB at the time of transaction.

e. Remittance fee is applied as per VCB's current Terms and Conditions and shall not be refunded unless otherwise agreed.

f. VCB will pay customer the actual amount which VCB receives from foreign bank in case the transaction cannot be performed or cancelled as per customer's request.

g. VCB can choose appropriate remittance systems, correspondent banks and payment methods to remit the amount to the beneficiary's bank without notice to the customer.

h. VCB will not be responsible for any risks, losses, dispute, complain incurred to the Customer directly or indirectly due to insufficient /unclear/incorrect informations of the transaction provided by customer, the foreign bank's incompliance with the customer's instructions, Fraud, scam, force majeure , incidents that are out of VCB's control or any indirect or consequential damages.

i. VCB shall not be responsible for any risks and losses incurred to the Customer in the case the foreign bank credits beneficiary's account number exactly as per the account number provide in Customer's AFR while beneficiary's account name at the foreign bank is inconsistence with the account name under Customer's AFR.

j. VCB can provide all information relating to remitter and the transaction, including but not limited to: name; information of identity papers, Business Registration; address; Tax code; ... at the request of (i) Foreign Banks for clarifying the transaction details (ii) Vietnamese authority.

k. VCB has right to refuse to perform transactions or temporarily stop providing banking services in case VCB notices signs of violating regulations of law or VCB's internal regulations in the transaction of customers.

2. The Customer pledges that:

a. Present in full and be responsible for the clarity, accuracy, integrity of relevant information, documents to the remittance in accordance with the Regulations on Foreign Exchange Control, anti-money laudering, counter-terrorism, prevention and combat of proliferation of weapons of mass destruction of the Socialist Republic of Vietnam. In case Customer is required to supplement documents before/after VCB processed this AFR, Customer commit to submit the supplementary documents according to VCB's regulations right. In case of failure to supplement documents on time, the Customer must take full legal responsibility for the delay or failure to fully supplement documents.

b. The source of funds for buy, transfer the payment must be legally originated in accordance with the provisions of law. To use the foreign currency for the eligible purpose and comply with all current Regulations on Foreign Exchange Control of the Socialist Republic of Vietnam.

c. This AFR solely is made at VCB. Do not use a set of documents to buy, transfer or carry foreign currency in excess of the amount stated in relevant documents and/or the limitation in accordance with relevant laws at one or various licensed banks.

d. Transactions are not related to commercial fraud, money laundering; terrorist financing, financing for proliferation of weapons of mass destruction; countries, organizations and individuals on the list of international embargoes or terrorists, terrorist financing, financing for proliferation of weapons of mass destruction.

e. Provide VCB with sufficient and correct information in the AFR and documents related to this transaction. Take all risks and expenses arising from incorrect or inconsistent information provided.

f. Provide information and/or documents related to this transaction as the request of the foreign bank even after the transaction has been made.

g. In case of the purpose of transaction concerning goods trading via overseas Commodity Exchanges, Customer must comply with regulations for goods purchase and sale through a overseas goods exchange via Vietnam-based goods exchanges connected with such overseas goods exchanges.

h. In case of the purpose of transaction concerning temporary import, re-export, the Customer pledges that the sources of money received from the re-export contract must be credited at the customer's account opened at VCB and will provide VCB about relevant documents regarding this transaction. The deadline for supplementing documents (if any) will not exceed 02 months from the actual re-export date but shall not later than 06 months from day that temporary import will be paid.

i. In case of the purpose of transaction concerning border-gate transfer of goods, Customer commit to receive payment accrording to the contract for selling border-gate transfer of goods to the customer's account at VCB and will provide VCB about relevant documents regarding this transaction.

j. In case of Purchase of foreign currencies and transfer abroad to provide donations or aid according to commitments or agreements between the State, the Government or local administrations at all levels and foreign partners: such donations and aid must come from budget funds or funds of donors or aid providers.

k. In case of Purchase of foreign currencies and transfer abroad to provide donations or aid for remedying consequences of disasters,

epidemics or wars, such donations and aid come from voluntarily contributed amounts of domestic organizations and individuals and/or funds of donors or aid providers; Customer commit that the institution opens only one VNĐ account at one licensed bank for receiving voluntary monetary contributions.

l. In case of Purchase of foreign currencies and transfer abroad to finance programs, funds and projects established by domestic organizations and/or overseas organizations for the purpose of supporting and promoting development in the fields of culture, education (grant of scholarships) and healthcare, such donations come from funds of donors and the maximum tranfer amount shall not exceed USD 50,000 (fifty thousand US dollars) or an equivalent amount in other foreign currencies per one transaction.The payment solely is made at VCB to tranfer money for the finance programs, funds and projects stated in this AFR

m. In case of Purchase of foreign currencies and transfer abroad to make payouts for non-residents being overseas organizations or individuals that participate in programs and contests organized in Vietnam under relevant regulations: The source for making payouts comes from non-residents that are overseas organizations or individuals or institutional residents.

n. In case of Purchase of foreign currencies and transfer abroad to Distribute monetary donations to overseas members participating in the implementation of scientific research projects in Vietnam or abroad; Reimburse of monetary donations for the implementation of projects in Vietnam in accordance with commitments and agreements with foreign partners: The funding source is donations received from non-residents that are overseas organizations or individuals.

o. Pay VCB all service fees imposed by VCB and other fees charged by foreign banks (if any).

p. Take all possible risks if the requested information in the AFR or related documents violates policy of any nations, and/or any organizations and/or related foreign bank.

q. Furnish VCB with written request and relevant documents to the transaction in case the customer wants to amend or cancel the transaction.

B&MFOODS

B&M FOODS S.L.
CL. Santa Marta, 37 Bajos 4ª
08340 VILASSAR DE MAR (SPAIN)
Tel.: +34938825960
CIF/NIF: B66643818

INVOICE

CUSTOMER

Ngoc Thom Trading and Service Co. Ltd
12/14/18 Street 49, Quarter 69, Hiep Binh Ward,
Ho Chi Minh City, Vietnam
VIETNAM
CIF/NIF: 0309391503

Order Num.: 8700 **Ref.Client:**
Container Nº.: MEDU9615837 **Seal Nº :** FX44785448
ETA : 12/10/2026 **ETD :** 20/08/2026
INCOTERMS : CIF Cat Lai
Net Weight : 24.466,31 kg **Gr.Weight:** 26.032,32 kg
Nº of Cartons / Nº of Palets : 1.961 crtns

Invoice Nº	Invoice Date	Customer nº	Page nº
26/2955	14/08/2026	171	1

Code Product	Product	Units	Price	Total
1054	Frozen Pork front hocks In Cartons Grade A New production (no later than 3 months from shipment) Size: 1.30-1.60 kg Origin, shipment : Spain Brand: Avinyo Plant n: ES10.01204/B 10% more or less quantity and amount are permitted Destination: Vietnam 20% Prepayment: USD 7.700,00 Bal to be paid: USD 29.978,12	24.466,310 KG	1,540 USD	37.678,12

All products, packaging, labels, documents, quality and testing of products according to final destination import regulations.

M.S.D.N: 0309391503 CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trần Thị Thơm

B&MFOODS B&MFOODS S.L. C/ Sta. Marta, 37 Bajos 4ª 08340 Vilassar de Mar (BCN) NIF: B66643818

Total Invoice (USD) 37.678,12

Payment Conditions

20% prepayment, Balance prior to ETA

Bank la Caixa
Address Bank : C/Creu 31, Pl.1, 17002 Girona
CC: ES31-2100-8606-10-7200308551
Swift Code: CAIXESBBXXX

Payment due date/s 10/10/2026 37.678,12 USD

B&M FOODS, SL Inscrita en el Registre Mercantil de Barcelona, Volum 45.087, Foli 113 i Fulla número B-476.419.
Se informa que conforme la LOPD sus datos seran incluidos en el fichero automatizado propiedad de la empresa, se destinaran y serán tratadas conforme la finalidad del ficherc
Cualquier usuario puede ejecutar sus derechos de acceso,rectificación,oposición y/o cancelación mediante comunicación escrita a B&M FOODS, SL- C/ Santa Marta, 37 Bx. 4a. 08340 VILASSAR DE MAR (Barcelona)
Acceptance of this offer by making a prepayment to Seller, shall be deemed as an acceptance of the Standard Terms and Conditions of Sale of B&M Foods.
http://bonesandmeats.eu/terms-and-conditions/

B&MFOODS

B&M FOODS S.L.
CL. Santa Marta, 37 Bajos 4ª
08340 VILASSAR DE MAR (SPAIN)
Tel.: +34938825960
CIF/NIF: B66643818

SALES CONTRACT

Contract No. : 8700

CUSTOMER

Ref.Client :
Order date : 26/05/2026
Shipment : July
Terms of delivery (incoterms 2020):
CIF Cat Lai

Ngoc Thom Trading and Service Co. Ltd

12/14/18 Street 49, Quarter 69, Hiep Binh Ward

Ho Chi Minh City, Vietnam

CIF/NIF: 0309391503

Item no.	Description Item	Quantity	Price	T.Amount
1054	Frozen Pork front hocks In Cartons Grade A New production (no later than 3 months from shipment) Size: 1.30-1.60 kg Origin, shipment : Spain Brand: Avinyo Plant n: ES10.01204/B 10% more or less quantity and amount are permitted Destination: Vietnam Shipment: July 20% Prepayment: USD 7.700,00 All products, packaging, labels, documents, quality and testing of products according to final destination import regulations.	25.000,000 KG	1,540 USD	38.500,00

M.S.D.N:0309391503-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trần Thị Thơm

Ngoc Thom Trading and Service Co. Ltd

we thank you for the order

B&MFOODS
B&MFOODS S.L.
C/ Sta. Marta, 37 Bajos 4ª
08340 Vilassar de Mar - (BCN)
NIF: B66643818

Terms of Payment : 20% prepayment, Balance 10-12 days prior to ETA

DELAYS MUST IMMEDIATELY BE REPORTED TO US

Acceptance of this offer by making a prepayment to Seller, shall be deemed as an acceptance of the Standard Terms and Conditions of Sale of BM Foods.
http://bonesandmeats.eu/terms-and-conditions/

MATADERO FRIGORÍFICO AVINYÓ, S.A.
Ctra. de Prats de Lluçanès, Km. 53,500
Tels. 93 838 88 88 - 93 838 70 61
Fax 93 838 74 06 www.avinyo.net
08279 AVINYÓ (Barcelona) ESPAÑA
Registre Sanitari n. ES-10.01204/B CE

Avinyó
DES DE 1954

PACKING-LIST

Consignee: 00000501/0003

NGOC THOM TRADING AND SERVICE CO., LTD
12/14/18 STREET 49, QUARTER 69,
HIEP BINH WARD,
HO CHI MINH CITY

VIETNAM

DATE	NUMBER	DELIVERY NOTE
12/08/2026	2915339	21/0001078
CUSTOMER REF.	**LOTE/BATCH**	**PAGE**
VN260686 - 8700	260672	1/ 2

	SSCC	Gross Weight (kg)	Boxes	Box Tara	Palet Tara	Net Weight (kg)	Units	Batch	Production Date	Production Slaughter
118957	**FROZEN PORK FRONT HOCK**									
1	**184318700012862575**	1,295.30	44	0.615	18.00	**558.59**		260609	22/07/2026	21/07/2026
			52	0.615		**659.67**		260612	23/07/2026	22/07/2026
2	**184318700012862599**	1,316.23	56	0.615	18.00	**750.27**		260606	21/07/2026	20/07/2026
			40	0.615		**488.92**		260612	23/07/2026	22/07/2026
3	**184318700012862612**	1,251.69	1	0.615	18.00	**10.32**		260594	17/07/2026	16/07/2026
			74	0.615		**890.63**		260612	23/07/2026	22/07/2026
			21	0.615		**273.70**		260609	22/07/2026	21/07/2026
4	**184318700012866016**	1,271.23	96	0.615	18.00	**1,194.19**		260615	24/07/2026	23/07/2026
5	**184318700012866047**	1,277.37	96	0.615	18.00	**1,200.33**		260615	24/07/2026	23/07/2026
6	**184318700012866078**	1,220.98	96	0.615	18.00	**1,143.94**		260615	24/07/2026	23/07/2026
7	**184318700012866351**	1,289.01	96	0.615	18.00	**1,211.97**		260624	27/07/2026	26/07/2026
8	**184318700012866368**	1,273.31	96	0.615	18.00	**1,196.27**		260624	27/07/2026	26/07/2026
9	**184318700012867365**	1,251.51	96	0.615	18.00	**1,174.47**		260627	28/07/2026	27/07/2026
10	**184318700012867372**	1,265.51	96	0.615	18.00	**1,188.47**		260627	28/07/2026	27/07/2026
11	**184318700012867396**	1,236.37	96	0.615	18.00	**1,159.33**		260627	28/07/2026	27/07/2026
12	**184318700012868669**	1,274.52	3	0.615	18.00	**35.25**		260594	17/07/2026	16/07/2026
			93	0.615		**1,162.23**		260630	29/07/2026	28/07/2026
13	**184318700012870471**	1,351.78	96	0.615	18.00	**1,274.74**		260633	30/07/2026	29/07/2026
14	**184318700012874554**	1,235.03	96	0.615	18.00	**1,157.99**		260645	03/08/2026	02/08/2026
15	**184318700012879566**	370.32	26	0.615	18.00	**336.33**		260654	06/08/2026	05/08/2026
16	**184318700012882504**	1,570.05	27	0.615	18.00	**341.34**		260657	07/08/2026	06/08/2026
			13	0.615		**165.05**		260624	27/07/2026	26/07/2026
			80	0.615		**971.86**		260627	28/07/2026	27/07/2026
17	**184318700012882511**	1,592.79	89	0.615	18.00	**1,129.80**		260624	27/07/2026	26/07/2026
			31	0.615		**371.19**		260615	24/07/2026	23/07/2026
18	**184318700012882528**	1,626.97	96	0.615	18.00	**1,236.53**		260615	24/07/2026	23/07/2026
			4	0.615		**51.53**		260657	07/08/2026	06/08/2026
			20	0.615		**247.11**		260624	27/07/2026	26/07/2026
19	**184318700012882535**	1,563.32	56	0.615	18.00	**691.25**		260603	20/07/2026	19/07/2026
			5	0.615		**63.06**		260612	23/07/2026	22/07/2026
			24	0.615		**299.78**		260624	27/07/2026	26/07/2026
			35	0.615		**417.43**		260594	17/07/2026	16/07/2026
20	**184318700012882542**	1,499.03	15	0.615	18.00	**186.50**		260624	27/07/2026	26/07/2026
			83	0.615		**1,071.97**		260630	29/07/2026	28/07/2026
			13	0.615		**154.30**		260603	20/07/2026	19/07/2026
	118957	***FROZEN PORK FRONT HOCK***								
	Subtotal	***26,032.32***	***1,961***			***24,466.31***				

L.: 260594 260657
M.: 16/07/2026 06/08/2026

M.S.D.N:0309391
CÔNG TNH
MỘT THÀ
THƯƠNG DỊCH
NGỌC
THANH PHỐ H

MATADERO FRIGORÍFICO AVINYÓ S.A.
Ctra. de Prats de Lluçanès, Km. 53,500
Tels. 93 838 88 88 - 93 838 70 61
Fax 93 838 74 06 www.avinyo.net
08279 AVINYÓ (Barcelona) ESPAÑA
Registre Sanitari n. ES-10.01204/B CE

Avinyó
DES DE 1954

PACKING-LIST

Consignee: 00000501/0003

DATE	NUMBER	DELIVERY NOTE
12/08/2026	2915339	21/0001078
CUSTOMER REF.	**LOTE/BATCH**	**PAGE**
VN260686 - 8700	260672	2/ 2

12/14/18 STREET 49, QUARTER 69,
HIEP BINH WARD,
HO CHI MINH CITY

VIETNAM

SSCC	Gross Weight (kg)	Boxes	Box Tara	Palet Tara	Net Weight (kg)	Units	Batch	Production Date	Production Slaughter

TOTAL PALLETS	TOTAL BOXES	TOTAL GROSS WEIGHT (kg)	TOTAL NET WEIGHT (kg)
20	*1,961*	*26,032.32*	*24,466.31*

The exporter of the products covered by this document (customs authorization No ESREX2760) declares that, except where otherwise clearly indicated, these products are of EU preferential origin.
Origin: SPAIN
Expiry date: 24 months from production date

MATADERO FRIGORÍFICO
AVINYÓ, S.A.
NIF A-08655017
C/ Prats de Lluçanès, km. 53,5
AVINYÓ (Barcelona)

M.S.D.N: 0309391503 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trần Thị Thơm

M.S.D.N: 0309391503 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

1852871

M.S.D.N: 0309391503 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

REINO DE ESPAÑA

Ref.: **ASE-1293**
ORD 0412

CERTIFICADO SANITARIO VETERINARIO PARA LA EXPORTACIÓN DE CARNE Y PRODUCTOS CÁRNICOS DE PORCINO A VIETNAM (1)

VETERINARY CERTIFICATE FOR EXPORTS OF PORK PRODUCTS (1) TO VIETNAM

Número de certificado / Certificate number:**ES0826014946**

País exportador / Exporting country: **ESPAÑA (ES)**
Ministerio competente / Competent Ministry: **MINISTERIO DE AGRICULTURA, PESCA Y ALIMENTACIÓN**
Unidad competente del Servicio Veterinario / Competent unit of veterinary service: **INSPECCIÓN DE SANIDAD ANIMAL DE BARCELONA**

I. IDENTIFICACIÓN DE LA MERCANCÍA / *IDENTIFICATION OF THE MERCHANDISE*

Especie animal / Animal species: **PORCINO / *PORCINE***
Descripción de la mercancía / Commodity description: **FROZEN PORK FRONT HOCK (CODILLO DE PALETA DE CERDO CONGELADO)**
Temperatura de conservación / Temperature conditions:**CONGELADO / FROZEN , -18 ºC**
Tipo de embalaje / Nature of packaging: **CAJA CARTÓN CORRUGADO / CORRUGATED CARDBOARD BOX, PALETS FILMADO / PALLETS FILMED**
Número de piezas o bultos / Number of parts or packages: **1.961**
Peso neto / Net weight: **24.466,31 KG**
Fecha de elaboración / Manufacture date: **17/07/2026-07/08/2026**
Número de lote / Batch number: **260594-260657**

II.PROCEDENCIA DE LA MERCANCÍA / *ORIGIN OF THE MERCHANDISE*

Nombre, dirección y número de registro oficial del matadero / Name, address and official registration Number of the slaughterhouse: **MATADERO FRIGORIFICO AVINYO, S.A. - CTRA. PRATS DE LLUÇANES, KM 53,5, AVINYÓ, BARCELONA - 10.01204/B**

MATADERO FRIGORIFICO AVINYO, S.A. - CTRA. PRATS DE LLUÇANES, KM 53,5, AVINYÓ, BARCELONA - 10.01204/B
Nombre, dirección y número de registro oficial de la sala de despiece / Name, address and official registration Number of the cutting plant: **MATADERO FRIGORIFICO AVINYO, S.A. - CTRA. PRATS DE LLUÇANES, KM 53,5, AVINYÓ, BARCELONA - 10.01204/B**

MATADERO FRIGORIFICO AVINYO, S.A. - CTRA. PRATS DE LLUÇANES, KM 53,5, AVINYÓ, BARCELONA - 10.01204/B
Nombre, dirección y número de registro oficial de la industria elaboradora / Name, address and official registration Number of the processing plant:

III.DESTINO DE LA MERCANCÍA / *DESTINATION OF THE MERCHANDISE*

Lugar de carga / Place of loading: **MATADERO FRIGORIFICO AVINYO S.A.,CT PRATS DE LLUÇANES, KM 53,508279, AVINYO, BARCELONA, SPAIN**
Medio de transporte (tipo e identificación) / Means of transport (type and identification): **BARCO / BOAT - MSC CELESTINO MARESCA (OR SUBSTITUTE) CONTAINER Nº MEDU9615837**

MINISTERIO DE AGRICULTURA, PESCA Y ALIMENTACIÓN
SERVICIO OFICIAL DE SANIDAD ANIMAL
BARCELONA

RCM•FNMT - 10/10 6317696

M.S.D.N: 0309391503 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Secure Verification Code (CSV): MA1080ZJRSG0PLM453K5MK33KB1786527120. Authenticity verification https://sede.mapa.gob.es/CSVENG

Digitally signed by Ministerio de Agricultura, Pesca y Alimentación - CIF: S2800556I.

Nombre y dirección del exportador / Name and address of consignor: **MATADERO FRIGORÍFICO AVINYÓ, S.A. , 10.01204/B , CT PRATS DE LLUÇANES, KM 53,5 , 08279 , AVINYÓ , BARCELONA , ESPAÑA / SPAIN**

Nombre y dirección del destinatario / Name and address consignee: **NGOC THOM TRADING AND SERVICE CO., LTD , 12/14/18 STREET 49, QUARTER 69, HIEP BINH WARD , HO CHI MINH CITY , VIETNAM / VIETNAM**

IV. ATESTACIÓN SANITARIA / *HEALTH ATTESTATION:*

El veterinario oficial abajo firmante certifica que los productos arriba descritos cumplen los siguientes requisitos / The undersigned official veterinarian hereby certifies that the products described above fulfill the following requirements:

a) **Han sido obtenidos a partir de animales sanos** / Have been obtained from healthy animals.

b) **Han sido obtenidos a partir de animales que proceden de explotaciones que no se encuentran en una zona de restricción o de vigilancia establecidas debido a las enfermedades de declaración obligatoria de los cerdos, que deben ser declaradas de acuerdo con la Organización Mundial de Sanidad Animal (OIE)** / Have been obtained from animals originated from farms where no restriction or surveillance zone has been established due to noticeable diseases in swine which should be reported in accordance with the World Organization for Animal Health (OIE).

c) **Los animales de los que se obtuvo el producto fueron sometidos a inspección veterinaria ante y post- mortem por veterinarios oficiales, y el producto fue hallado sano, en buenas condiciones y apto para el consumo humano** / The animals from which the product was derived were subject to ante and post-mortem veterinary inspection by official veterinarians and it was found to be sound, wholesome and fit for human consumption.

d) **Se han obtenido de animales que:** / Have been obtained from animals which:

- **Han dado negativo en una prueba de detección de triquinosis** / Have been subject tc an examination for trichinosis with negative results

  ~~**O bien** / Or **(2)**~~

- ~~**El producto ha sido sometido a un tratamiento de congelación para la inactivación de la Trichinella spiralis.** / The product has been subjected to a frozen treatment to inactivate the Trichinella spiralis.~~

~~**Tiempo:** / Time:~~ ~~**Temperatura:** / Temperature:~~

e) **España, de acuerdo con la legislación comunitaria, tiene implantado un programa nacional de vigilancia e investigación de residuos en animales y productos de origen animal, que garantiza que los alimentos no poseen residuos de plaguicidas, medicamentos de uso veterinario, o cualquier otro contaminante, en concentraciones que excedan los límites estipulados en la normativa vigente en la Unión Europea** / Spain, in agreement with the communitarian legislation, has implanted a national program of surveillance and investigation of residues in animals and products of animal origin, that guarantees that the foods do not possess residues of pesticides, medicines of veterinary use, or of any another pollutant, in concentrations that exceed the limits stipulated in the in force regulation in the European Union.

f) **Fueron producidos, envasados y transportados en condiciones higiénicas** / Were produced, packed and transported under hygienic conditions.

g) **Los productos son aptos para el consumo humano** / The products are approved for human consumption.

Hecho en / done at: **BARCELONA** , **el** / on: **12/03/2026**

(**Lugar** / Place) (**Fecha** / Date)

Sello oficial / Official Stamp

PALOMA ALMUDENA DATO BLANCO
INSPECTORA DE SANIDAD ANIMAL
Nombre, cargo y firma del Veterinario Oficial/
Name, qualification and signature of the OfficialVeterinarian

NOTAS / *NOTES:*
(1)Entran dentro del ámbito de este certificado: la carne de cerdo congelada, los productos curados, los fiambres, la harina de sangre y los despojos (corazón, hígado y riñones). / "pork products" including frozen pork, cured pork, cold cuts, blood powder and offal (heart, liver and kidney)
(2)Tachese lo que no procede / Delete as appropriate

https://servicio.mapa.gob.es/cexgan/MVC/CVC/Details/1B79B9F10B34D105

Digitally signed by Ministerio de Agricultura, Pesca y Alimentación - CIF: S2800556I

ES0826014946

Secure Verification Code (CSV): MA1080ZJRSG0PLM453K5MK33KB1786527120. Authenticity verification https://sede.mapa.gob.es/CSVENG

RCM-FNMT - 10/10 6317697

1. Expedidor, Expéditeur, *Consignor,* المرسل 发货人

MATADERO FRIGORÍFICO AVINYÓ, S.A.
CTRA. DE PRATS DE LLUCANES, KM 53,5-
08279 AVINYO (BARCELONA), SPAIN

N.º 2344499-CC

ORIGINAL

2. Destinatario, Destinataire, *Consignee,* اليه المرسل 收货人

NGOC THOM TRADING AND SERVICE CO., LTD
12/14/18 STREET 49, QUARTER 69, HIEP BINH
WARD, HO CHI MINH CITY, VIETNAM

UNIÓN EUROPEA
UNION EUROPÉENNE *EUROPEAN UNION*
الاتحاد الاوربي 欧盟

CERTIFICADO DE ORIGEN
CERTIFICAT D'ORIGINE *CERTIFICATE OF ORIGIN*
شهادة المنشأ 原产地证明

3. Pais de origen, Pays d'origine, *Country of origin,* بلد المنشأ 原产国

ESPAÑA / SPAIN

4. Informaciones relativas al transporte (Mención facultativa)
Informations relatives au transport (Mention facultative)
Transport details (Optional) مرسلة بواسطة 运输情况

REEFER NUMBER: MEDU9615837
SEAL NUMBER: FX44785448

5. Observaciones, Remarques, *Remarks,* ملاحظات 注备

6. Nº de orden, marcas, numeración, número y naturaleza de los bultos, designación de las mercancías
N.º d'ordre, marques, numeros, nombre et nature des colis, désignation des marchandises
Item number, marks, number and kind of packages, description of goods
مواصفات البضاعة : رقم التسلسل، العلامة، رقم الطرود، عدد وطبيعة الطرود
序号；商标；号码；包装件数量和性质；商品种类；

7. Cantidad
Quantité
Quantity
الكمية 数量

FROZEN PORK FRONT HOCK

TOTAL PACKAGES: 20 PALLETS / 1,961 CASES
GROSS WEIGHT: 26,032.32 KG

ORDER Nº: VN260686-8700

HS CODE: 020329

PLANT NUMBER: 10.01204/B

TRANSPORT TEMPERATURE: -18 ºC

NET WEIGHT:
24,466.31 KG

8. La autoridad que suscribe certifica que las mercancías designadas son originarias del país que figura en la casilla n.º 3
L'autorité soussignée certifie que les marchandises designées ci-dessus sont originaires du pays figurant dans la case nº 3
The undersigned authority certifies that the goods described above originate in the country shown in box 3
تشهد السلطة الموقعة أدناه أن البضائع المذكورة أعلاه مصدرها البلاد المذكورة في الحقل رقم ٣
签发该证当局证实上述商品原产于第3栏内所注明的国家

The Official Chamber of Commerce, Industry and Services of Manresa
CERTIFIES: That the titular company of this document belongs to the census of this CHAMBER.

AUG 13 2026 núm. 614

Lugar y fecha de expedición, nombre, firma y sello de la autoridad competente
Lieu et date de délivrance, désignation, signature et cachet de l'autorité compétente
Place and date of issue, name, signature and stamp of competent authority
مكان وتاريخ وتسمية وتوقيع وختم السلطة المختصة.
发证地点和日期；发证当局的名称，签字和印章

Carmen Mieza Suarez
Dep. Administración

Unión Gráfica - Tfl. 933 085 400 - Depósito Legal: M-49918-2007

1. **Expedidor,** Expéditeur, *Consignor,* المرسل 发货人

MATADERO FRIGORÍFICO AVINYÓ, S.A.
CTRA. DE PRATS DE LLUCANES, KM 53,5-
08279 AVINYO (BARCELONA), SPAIN

N.º 2344499-CC

COPIA

UNIÓN EUROPEA
UNION EUROPÉENNE *EUROPEAN UNION*
الاتحاد الاوربي 欧盟

CERTIFICADO DE ORIGEN
CERTIFICAT D'ORIGINE *CERTIFICATE OF ORIGIN*
شهادة المنشأ 原产地证明

2. **Destinatario,** Destinataire, *Consignee,* المرسل اليه 收货人

NGOC THOM TRADING AND SERVICE CO., LTD
12/14/18 STREET 49, QUARTER 69, HIEP BINH
WARD, HO CHI MINH CITY, VIETNAM

3. **País de origen,** Pays d'origine, *Country of origin,* بلد المنشأ 原产国

ESPAÑA / SPAIN

4. **Informaciones relativas al transporte (Mención facultativa)**
Informations relatives au transport (Mention facultative)
Transport details (Optional) مرسلة بواسطة 运输情况

REEFER NUMBER: MEDU9615837
SEAL NUMBER: FX44785448

5. **Observaciones,** Remarques, *Remarks,* ملاحظات 注备

6. **Nº de orden, marcas, numeración, número y naturaleza de los bultos, designación de las mercancías**
N.º d'ordre, marques, numeros, nombre et nature des colis, désignation des marchandises
Item number, marks, number and kind of packages, description of goods
مواصفات البضاعة : رقم التسلسل، العلامة، رقم الطرود، عدد وطبيعة الطرود
序号；商标；号码；包装件数量和性质；商品种类；

7. **Cantidad**
Quantité
Quantity
الكمية 数量

FROZEN PORK FRONT HOCK

TOTAL PACKAGES: 20 PALLETS / 1,961 CASES
GROSS WEIGHT: 26,032.32 KG

ORDER Nº: VN260686-8700

HS CODE: 020329

PLANT NUMBER: 10.01204/B

TRANSPORT TEMPERATURE: -18 ºC

NET WEIGHT:
24,466.31 KG

8. **La autoridad que suscribe certifica que las mercancías designadas son originarias del país que figura en la casilla n.º 3**
L'autorité soussignée certifie que les marchandises designées ci-dessus sont originaires du pays figurant dans la case nº 3
The undersigned authority certifies that the goods described above originate in the country shown in box 3
تشهد السلطة الموقعة أدناه أن البضائع المذكورة أعلاه مصدرها البلاد المذكورة في الحقل رقم ٣
签发该证当局证实上述商品原产于第3栏内所注明的国家。

Cámara Oficial de Comercio, Industria y Servicios de Manresa
Certificació

The Official Chamber of Commerce, Industry and Services of Manresa
CERTIFIES: That the titular company of this document belongs to the census of this CHAMBER.

AUG 13 2026 núm. 614

Lugar y fecha de expedición, nombre, firma y sello de la autoridad competente
Lieu et date de délivrance, désignation, signature et cachet de l'autorité compétente
Place and date of issue, name, signature and stamp of competent authority
مكان وتاريخ وسمية وتوقيع وختم السلطة المختصة.
发证地点和日期；发证当局的名称，签字和印章

Carmen Mieza Suarez
Dep. Administración

Unión Gráfica - Tlf. 953 066 400 - Depósito Legal: M-49018-2007

1. **Expedidor,** Expéditeur, *Consignor,* المرسل 发货人

MATADERO FRIGORÍFICO AVINYÓ, S.A.
CTRA. DE PRATS DE LLUCANES, KM 53,5-
08279 AVINYO (BARCELONA), SPAIN

N.º 2344499-CC

COPIA

UNIÓN EUROPEA
UNION EUROPÉENNE *EUROPEAN UNION*
الاتحاد الاوربي 欧盟

CERTIFICADO DE ORIGEN
CERTIFICAT D'ORIGINE *CERTIFICATE OF ORIGIN*
شهادة المنشأ 原产地证明

2. **Destinatario,** Destinataire, *Consignee,* المرسل اليه 收货人

NGOC THOM TRADING AND SERVICE CO., LTD
12/14/18 STREET 49, QUARTER 69, HIEP BINH
WARD, HO CHI MINH CITY, VIETNAM

3. **País de origen,** Pays d'origine. *Country of origin,* بلد المنشأ 原产国

ESPAÑA / SPAIN

4. **Informaciones relativas al transporte (Mención facultativa)**
Informations relatives au transport (Mention facultative)
Transport details (Optional) مرسلة عن طريق 运输情况

REEFER NUMBER: MEDU9615837
SEAL NUMBER: FX44785448

5. **Observaciones,** Remarques, *Remarks,* ملاحظات 注备

6. **Nº de orden, marcas, numeración, número y naturaleza de los bultos, designación de las mercancías**
N.º d'ordre, marques, numeros, nombre et nature des colis, désignation des marchandises
Item number, marks, number and kind of packages, description of goods
مواصفات البضاعة : رقم التسلسل، العلامة، رقم الطرود، عدد وطبيعة الطرود
序号；商标；号码；包装件数量和性质；商品种类；

7. **Cantidad**
Quantité
Quantity
الكمية 数量

FROZEN PORK FRONT HOCK

TOTAL PACKAGES: 20 PALLETS / 1,961 CASES
GROSS WEIGHT: 26,032.32 KG

ORDER Nº: VN260686-8700

HS CODE: 020329

PLANT NUMBER: 10.01204/B

TRANSPORT TEMPERATURE: -18 ºC

NET WEIGHT:
24,466.31 KG

8. **La autoridad que suscribe certifica que las mercancías designadas son originarias del país que figura en la casilla n.º 3**
L'autorité soussignée certifie que les marchandises designées ci-dessus sont originaires du pays figurant dans la case nº 3
The undersigned authority certifies that the goods described above originate in the country shown in box 3
تشهد السلطة الموقعة أدناه أن البضائع المذكورة أعلاه مصدرها البلاد المذكورة في الحقل رقم ٣
签发该证当局证实上述商品原产于第3栏内所注明的国家

The Official Chamber of Commerce, Industry and Services of Manresa
CERTIFIES: That the titular company of this document belongs to the census of this CHAMBER.

AUG 13 2026 núm. 614

Lugar y fecha de expedición, nombre, firma y sello de la autoridad competente
Lieu et date de délivrance, désignation, signature et cachet de l'autorité compétente
Place and date of issue, name, signature and stamp of competent authority
مكان وتاريخ وتسمية وتوقيع وختم السلطة المختصة.
发证地点和日期；发证当局的名称、签字和印章

Carmen Mioza Suarez
Dep. Administration

Unión Gráfica - Tfl. 963 086 406 - Depósito Legal: M-49016-2007

See website for large version of the reverse | Ver página Web para términos y condiciones | Смотрите веб-сайт для ознакомления с условиями и положениями | 提单的条款和条件详请见网站 | www.msc.com

MEDITERRANEAN SHIPPING COMPANY S.A.

12-14, chemin Rieu - CH -1208 GENEVA, Switzerland
website: www.msc.com
SCAC Code: MSCU

BILL OF LADING No. MEDUY2160651

NON-NEGOTIABLE COPY

"Port-To-Port" or "Combined Transport"(see Clause 1)

NO.& SEQUENCE OF ORIGINAL B/L's	NO. OF RIDER PAGES
	0 Zero

SHIPPER:
MATADERO FRIGORIFICO AVINYO, S.A.
CTRA. DE PRATS DE LLUCANES,
KM. 53,5 08797 AVINYO
BARCELONA, SPAIN
VAT:ESA08657017

CARRIER'S AGENTS ENDORSEMENTS: (Include Agent(s) at POD)
SHIPPER'S LOAD, COUNT AND SEALED
FCLFCL

CONSIGNEE: This B/L is not negotiable unless marked "To Order" or "To Order of ..." here.
NGOC THOM TRADING AND SERVICE CO., LTD
12/14/18 Street 49, Quarter 69, Hiep Binh Ward,
Ho Chi Minh City, Vietnam
TAX ID: 0309391503
+84909097925
NGOCTHOM.KICO@YAHOO.COM; dangxuanng oc@ngocthom.com.vn

Lloyds/IMO Number: 9930040

NOTIFY PARTIES : (No responsibility shall attach to Carrier or to his Agent for failure to notify - see Clause 20)
NGOC THOM TRADING AND SERVICE CO., LTD
12/14/18 Street 49, Quarter 69, Hiep Binh Ward,
Ho Chi Minh City, Vietnam
TAX ID: 0309391503
+84909097925
NGOCTHOM.KICO@YAHOO.COM; dangxuanng oc@ngocthom.com.vn

PORT OF DISCHARGE AGENT:
MSC VIETNAM COMPANY LIMITED
10th Floor, THE METT, 15 Tran Bach Dang, An Khanh Ward
Ho Chi Minh City
Phone : +84 28 7307 6189
Fax : +84 2836363311

VESSEL AND VOYAGE NO (see Clause 8 & 9)	PORT OF LOADING	PLACE OF RECEIPT: (Combined Transport ONLY - see Clause 1 & 5.2)
MSC CELESTINO MARESCA - GJ633E	Barcelona	XXXXXXXXXXXXXXX
BOOKING REF. (or) SHIPPER'S REF.	**PORT OF DISCHARGE**	**PLACE OF DELIVERY : (Combined Transport ONLY - see Clause 1 & 5.2)**
048IVL1293884 XXXXXXXXXXXXXXX	Vung Tau, Viet Nam	Cat Lai, Viet Nam

PARTICULARS FURNISHED BY THE SHIPPER - NOT CHECKED BY CARRIER - CARRIER NOT RESPONSIBLE (see Clause 14)

Container Numbers, Seal Numbers and Marks	Description of Packages and Goods (Continued on attached Bill of Lading Rider pages(s), if applicable)	Gross Cargo Weight	Measurement
MEDU9615837 40' HIGH CUBE REEFER Seal Number: FX44785448 Tare Weight: 4,360.00 kgs.	1961 Carton(s) FROZEN PORK FRONT HOCK HS CODE: 020329 NET WEIGHT: 24.466,31 KG. ORDER NO.: VN260686 - 8700 MATADERO FRIGORIFICO AVINYO S.A. ES-10.01204/B CE Temperature: -18,0 C FREIGHT PREPAID Total Items: 1961	26,032.320 kgs.	40.000 cu. m.
	Total :	26,032.320 kgs.	40.000 cu. m.

FREIGHT & CHARGES Cargo shall not be delivered unless Freight & Charges are paid(see Clause 16)

FREIGHT & CHARGES	BASIS	RATE	PREPAID	COLLECT

RECEIVED by the Carrier in apparent good order and condition (unless otherwise stated herein) the total number or quantity of Containers or other packages or units indicated in the box entitled Carrier's Receipt for carriage subject to all the terms and conditions hereof from the Place of Receipt or Port of Loading to the Port of Discharge or Place of Delivery, whichever is applicable. IN ACCEPTING THIS BILL OF LADING THE MERCHANT EXPRESSLY ACCEPTS AND AGREES TO ALL THE TERMS AND CONDITIONS, WHETHER PRINTED, STAMPED OR OTHERWISE INCORPORATED ON THIS SIDE AND ON THE REVERSE SIDE OF THIS BILL OF LADING AND THE TERMS AND CONDITIONS OF THE CARRIER'S APPLICABLE TARIFF AS IF THEY WERE ALL SIGNED BY THE MERCHANT.

If this is a negotiable (To Order / of) Bill of Lading, one original Bill of Lading, duly endorsed must be surrendered by the Merchant to the Carrier (together with outstanding Freight and charges) in exchange for the Goods or a Delivery Order. If this is a non-negotiable (straight) Bill of Lading, the Carrier shall deliver the Goods or issue a Delivery Order (after payment of outstanding Freight and charges against the surrender of one original Bill of Lading or in accordance with the national law at the Port of Discharge or Place of Delivery whichever is applicable.

IN WITNESS WHEREOF the Carrier or their Agent has signed the number of Bills of Lading stated at the top, all of this tenor and date, and wherever one original Bill of Lading has been surrendered all other Bills of Lading shall be void.

DECLARED VALUE (Only applicable if Ad Valorem charges paid - see Clause 7.3)	CARRIER'S RECEIPT (No. of Cntrs or Pkgs rcvd by Carrier - see Clause 14.1)	SIGNED on behalf of the Carrier MSC Mediterranean Shipping Company S.A. by Mediterranean Shipping Company España, S.L.U As Agent
XXXXXXXXXXXXXXX	1 cntr	
PLACE AND DATE OF ISSUE VALENCIA 22-08-2026	SHIPPED ON BOARD DATE 22-08-2026	

TERMS CONTINUED ON REVERSE